

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST

Ngày: 23-9-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Trân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2013/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2013, về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/QĐXX-ST ngày 06/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2020/QĐST-DS ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, Phú Yên.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Thu T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: 19 T, phường T, thành phố T, Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện Đ, Phú Yên.

- Bà Đào Thị Hương T1, sinh năm: 1963; Địa chỉ: 19 T, phường T, thành phố T, Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt (Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, bà Đào Thị Hương T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:

Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe gắn máy ngày 07/02/2010, bà Hoàng Thị Thu T và bà Đào Thị Hương T1 có mua của bà 01 xe gắn máy hiệu Suvina, góp mỗi tháng 590.000 đồng trong thời gian 12 tháng. Đến ngày 17/01/2012, còn nợ lại số tiền gốc là 2.680.000 đồng, đến nay chưa trả nên bà S khởi kiện yêu cầu bà T, bà T1 phải trả số tiền gốc còn nợ là 2.680.000 đồng và lãi 1,125% từ ngày mua xe 07/02/2010 cho đến khi trả nợ xong. Bà S yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt bà cho đến khi có bản án.

* Bị đơn vắng mặt nên không có trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Đào Thị Hương T1 trình bày: Vào ngày 07/02/2010, tôi (T1) và con gái là Hoàng Thị Thu T có ký hợp đồng mua bán xe trả góp với bà Hồ Thị Thanh S để mua 01 xe máy nhãn hiệu Suvina, có biển số 78M1-4209, còn nợ lại số tiền 2.680.000 đồng như bà S khởi kiện. Tôi chấp nhận trả cho bà S số tiền còn nợ trên và lãi theo quy định của pháp luật, với điều kiện bà S phải làm các thủ tục sang tên chủ sở hữu xe qua cho tôi hoặc con tôi. Do điều kiện công việc tôi và con là Hoàng Thị Thu T không thể sắp xếp đến Tòa làm việc và tham gia phiên tòa xét xử được nên đề nghị Tòa tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt chúng tôi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ

các Điều 305, 428, 429, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng mua bán xe và lãi suất theo mức 1,125%/tháng từ ngày 07/02/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, bà Đào Thị Hương T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Hoàng Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán xe máy: Ngày 07/02/2010, giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn bà Hoàng Thị Thu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Hương T1 có ký kết Hợp đồng trả góp mua bán xe; theo đó bà T mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina, màu đỏ; số máy 232029, biển số 78M1-42XX, còn nợ số tiền 7.080.000 đồng, góp mỗi tháng 590.000 đồng trong thời gian 12 tháng. Đến ngày 17/01/2012, còn nợ lại số tiền gốc là 2.680.000 đồng. Người bảo lãnh cho bà T là bà Đào Thị Hương T1.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 01/11/2018 của Công an huyện Đông Hòa cung cấp: Xe có biển số 78M1-42XX, do ông Lê Văn T đứng tên chủ xe. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T xác nhận mình là nhân viên của nguyên đơn từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012 và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng; nên có căn cứ xác định tại thời điểm mua bán, xe thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn được lập đúng hình thức, nội dung không trái luật, các bên cùng ký xác nhận; do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng trả góp mua bán xe ngày 07/02/2010 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, có nội dung *“Đối chiếu nợ đến ngày 17/01/2012 còn nợ gốc 2.680.000 đồng; Từ ngày mua xe ngày 07/02/2010 đến 17/01/2012 hệ trả lãi 2% 1 tháng”*. Như vậy, có cơ sở xác định: Đến ngày 17/01/2012, bị đơn còn nợ bà S số tiền gốc là 2.680.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Hương T1 cũng thừa nhận còn nợ bà S số tiền 2.680.000 đồng như bà S yêu cầu. Bà T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa và không cung cấp được các chứng cứ thể hiện đã trả hết nợ. Do đó, có căn cứ xác định, bà T còn nợ bà S số tiền gốc mua xe

là 2.680.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu bà S buộc bà T phải trả cho bà S số tiền gốc còn nợ là 2.680.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng trả góp mua bán xe ngày 07/02/2010, các bên thỏa thuận thời gian tính lãi từ ngày mua xe là ngày 07/02/2010 và thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại theo mức không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (lãi cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1,125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 07/02/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2020 là 10 năm 07 tháng 16 ngày \times 2.680.000 đồng \times 1,125%/tháng = 3.845.130 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 6.525.130 đồng.

[5] Xét nghĩa vụ bảo lãnh của bà Đào Thị Hương T1: Theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 07/02/2010, bà T1 ký tên tại mục người bảo lãnh, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh đối với bà T1. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khi bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ.

[6] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 78M1-4209 thì bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn T phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 363, 428, 429, 431, 432, 438, 439 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Hoàng Thị Thu T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe máy còn nợ tính đến ngày 23/9/2020 tổng cộng là 6.525.130 đồng (*Sáu triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 2.680.000 đồng, tiền lãi là 3.845.130 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu người bảo lãnh là bà Đào Thị Hương T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn số nợ còn lại.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1-42XX thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và ông Lê Văn T phải có trách nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn theo quy định pháp luật. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn bà Hoàng Thị Thu T phải chịu 326.000 đồng (*Ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 10514 ngày 26/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trọng Khá

Huỳnh Khắc Hiếu

Trần Lê Mai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai